



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03207

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : COMPOUND PREMIX B212 FOR FISH  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.400 bao/ 42.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Guangdong Hiner Biotechnology Group Co., Ltd, China  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : HT20250617-SLHD ngày 17/6/2025  
Hóa đơn số : SLHD-2511 ngày 14/7/2025  
Vận đơn số : ANSVH845292536  
Ngày sản xuất : 08/7/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 5796/HQ-GDK-TTKN ngày 29/7/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250038155)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH KHOA KỸ SINH VẬT THĂNG LONG HẢI DƯƠNG**  
Địa chỉ: Lô B3-2.1, KCN Cộng Hòa, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng của sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2016 /QĐ-TTKN  
Ngày 11 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 10637/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Đoàn Tuấn Linh  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 10 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Đoàn Tuấn Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 29912508268  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 05/08/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 05/08/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                       | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Compound Premix<br>B212 For Fish<br>(BNNPTNT292500381<br>55) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | <0,9               | EN 16278:2012                   |
|                                                              | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | 0,85               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                              | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                              | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                              | <i>Escherichia coli</i> (*)(**)        | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                              | <i>Salmonella</i> spp. (*)(**)         | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 08/08/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.